

Số: 154 /QĐ-SCT

Tây Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai giao dự toán thu, chi ngân sách
năm 2022 cho Sở Công Thương

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Tây Ninh và Quyết định số 3/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 44/TB-STC ngày 13/01/2022 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Sở Công Thương như sau. Có phụ lục đính kèm:

- Tổng số thu, chi nộp ngân sách về phí, lệ phí: 309.000.000 đồng.
- Dự toán chi ngân sách nhà nước: 13.917.000.000 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở và Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.Văn.02. /

GIÁM ĐỐC



Lê Anh Tuấn

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Sở Công Thương Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 1514 /SCT - VP ngày 18 /01/2022 của Sở Công Thương Tây Ninh)



DVT: đồng.

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Số thu phí, lệ phí	309.000.000
	- Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	3.000.000
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại	40.000.000
	- Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	5.000.000
	- Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm	230.000.000
	- Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	20.000.000
	- Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	2.000.000
	- Phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện KD hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp	3.000.000
	- Phí thẩm định thiết kế cơ sở	6.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	309.000.000
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	13.917.000.000
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	5.770.000.000
	Văn phòng Sở	5.770.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	5.164.000.000
	- Chi quỹ lương (36 biên chế)	3.830.000.000
	+ Chi quỹ lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng	3.830.000.000
	Lương biên chế	2.447.000.000
	Phụ cấp chức vụ	107.000.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung	14.000.000
	Phụ cấp trách nhiệm	41.000.000
	BHXH, BHYT, KPCD	578.000.000
	25% phụ cấp công vụ	643.000.000
	- Chi thường xuyên	1.334.000.000
	+ Chi hoạt động thường xuyên	1.032.000.000
	Chi hỗ trợ trực các ngày lễ, tết	24.000.000
	Tiền xăng xe	96.000.000
	Tiền điện	72.000.000

	Tiền nước sinh hoạt	12.000.000
	Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm; công cụ, dụng cụ; vật tư văn phòng khác...)	72.000.000
	Cước phí điện thoại	8.400.000
	Khoán điện thoại BGD	11.400.000
	Cước phí bưu chính	24.000.000
	Tiền báo	2.000.000
	Chi công tác phí	50.000.000
	Khoán công tác phí	12.000.000
	Chi tiếp khách	36.000.000
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cơ quan	24.000.000
	Chi hỗ trợ tập huấn, báo cáo viên	30.000.000
	Chi nước uống hội nghị CBCC, tổng kết ngành	4.500.000
	Chi gia hạn phần mềm	3.600.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (chi in bao thư Sở...)	5.000.000
	Chi phí khác (thuê mượn, in ấn, photo tài liệu, mua BH xe, phí đăng kiểm, rửa xe, nước uống hội họp, trang trí tết cổ truyền ...)	250.000.000
	Chi khen thưởng	30.000.000
	Chi phúc lợi tập thể (nước uống, đám tang, trang phục, thăm bệnh, tham quan, hỗ trợ lễ tết...)	265.100.000
	+ Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động (4 người)	302.000.000
	Kinh phí hỗ trợ lương hợp đồng lao động	209.000.000
	Các khoản đóng góp	49.000.000
	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên HĐLĐ	44.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	606.000.000
	- KP mua sắm, sửa chữa	78.000.000
	- KP theo nhiệm vụ được giao	528.000.000
	+ KP hỗ trợ hoạt động Thương Mại Biên Giới	22.000.000
	Công tác phí khảo sát mở, nâng cấp cửa khẩu	4.800.000
	Tiền xăng xe hoặc thuê xe đi khảo sát	11.000.000
	Công tác phí tham dự Hội nghị về thương mại biên giới do BCT tổ chức	600.000
	Tiền vé máy bay tham dự Hội nghị	4.000.000
	Tiền thuê phòng nghỉ tham dự Hội nghị	1.600.000
	+ KP hoạt động BCD lưới điện cao áp	21.000.000
	Công tác phí	5.000.000
	Chi thuê xe hoặc xăng xe đi kiểm tra và xử lý các vụ vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp	16.000.000

+ KP kiểm tra môi trường trong hoạt động SXKD ngành CN	27.000.000
Chi thuê xe đi kiểm tra và xử lý các vụ vi phạm về môi trường	16.000.000
Công tác phí	7.000.000
Chi photo tài liệu đóng tập phổ biến cho các doanh nghiệp	2.300.000
Chi chuyển fax nhanh	700.000
Văn phòng phẩm	1.000.000
+ KP đối nội - đối ngoại	45.000.000
+ KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	45.000.000
Chi mua báo, tạp chí, văn phòng phẩm, khen thưởng	7.400.000
Chi phụ cấp cấp uỷ	37.600.000
+ KP cho CBCCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính	16.000.000
+ KP phụ cấp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội CCB	8.000.000
+ KP chi hoạt động xử phạt hành chính	18.000.000
Chi văn phòng phẩm	2.000.000
Chi tiền công tác phí	6.000.000
Tiền xăng	8.000.000
Tiền làm thêm giờ	2.000.000
+ Chi phí phục vụ cho công tác thu lệ phí	90.000.000
+ Chi thuê xe hoặc xăng xe thẩm định	24.000.000
+ Chi dịch vụ công cộng (điện, nước)	22.000.000
+ Chi mua văn phòng phẩm, vật tư mau hỏng rẻ tiền	20.500.000
+ Chi thông tin, tuyên truyền liên lạc (cước phí điện thoại và cước phí bưu chính)	6.000.000
+ Chi cước thu hộ phí thẩm định	5.000.000
+ Chi công tác phí	10.000.000
+ Chi mua biên lai ấn chỉ	500.000
+ Chi sửa chữa tài sản	2.000.000
+ KP kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	90.000.000
Thuê xe 16 chỗ	30.000.000
Công tác phí	28.000.000
Mua mẫu kiểm tra	2.000.000
Thuê kiểm nghiệm	24.000.000
Thu hồi và tiêu huỷ sản phẩm ô nhiễm	6.000.000
+ KP ngày hội mít tinh bảo vệ người tiêu dùng	27.000.000
Phối hợp với Trung tâm văn hoá tỉnh tổ chức quyền người tiêu dùng 2022	24.000.000
Chi hỗ trợ đoàn viên, công đoàn tham gia điều hành	3.000.000
+ KP soạn thảo văn bản QPPL (03 văn bản)	24.000.000

	+ KP duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	10.000.000
	+ KP trang phục thanh tra	18.000.000
	+ KP kiểm tra tình hình dự trữ, cung ứng hàng hoá thuộc chương trình bình ổn thị trường (Kế hoạch số 2223/KH-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh)	17.000.000
	Chi thuê xe 16 chỗ	9.200.000
	Chi công tác phí	7.800.000
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC	18.000.000
	Xây dựng Clip tuyên truyền CCHC	10.000.000
	Đăng tin, bài viết về hoạt động CCHC của ngành Công Thương Tây Ninh	1.400.000
	Ấn phẩm (Tờ rơi) tuyên truyền thông tin TTHC, hoạt động CCHC của ngành Công Thương	6.600.000
	+ Kinh phí hoạt động thanh tra kiểm tra bảo vệ người tiêu dùng	32.000.000
	Công tác phí	6.000.000
	Mua mẫu kiểm tra	1.600.000
	Thuê kiểm nghiệm	16.000.000
	Thu hồi và tiêu huỷ sản phẩm ô nhiễm	3.400.000
	Chi xăng xe hoặc thuê xe 16 chỗ	5.000.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế	7.527.000.000
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (Loại 280-309)	7.527.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	1.708.000.000
	- Chi quỹ lương (17 biên chế)	1.202.000.000
	+ Chi quỹ lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng	1.202.000.000
	Lương biên chế	946.000.000
	Phụ cấp chức vụ	23.000.000
	Phụ cấp trách nhiệm	4.000.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	229.000.000
	- Chi thường xuyên	506.000.000
	+ Chi hoạt động thường xuyên	279.000.000
	Chi hỗ trợ trực các ngày lễ, tết	2.000.000
	Tiền xăng xe	12.000.000
	Tiền điện	30.000.000
	Tiền nước sinh hoạt	3.000.000
	Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác)	37.000.000
	Cước phí điện thoại, bưu chính	17.000.000
	Chi công tác phí	18.000.000
	Khoán công tác phí	12.000.000

	Chi tiếp khách	12.000.000
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cơ quan	24.000.000
	Chi hỗ trợ tập huấn, báo cáo viên	5.000.000
	Chi nước uống hội nghị CBCC, tổng kết ngành	2.000.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	13.000.000
	Chi thuê mướn	12.000.000
	Chi khen thưởng	20.000.000
	Chi phúc lợi tập thể (nước uống, đám tang, trang phục, thăm bệnh, tham quan, hỗ trợ lễ tết...)	60.000.000
	+ Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động (2 người)	227.000.000
	Kinh phí hỗ trợ lương hợp đồng lao động	142.000.000
	Các khoản đóng góp	33.000.000
	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên HĐLĐ	52.000.000
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	5.819.000.000
	- Kinh phí khuyến công địa phương	3.500.000.000
	- Kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	429.000.000
	- Kinh phí Phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025	170.000.000
	- Kinh phí xúc tiến thương mại (Loại 280-321)	1.720.000.000
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250, khoản 278)	450.000.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	450.000.000
	- Kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ môi trường	450.000.000
4	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070, khoản 083)	170.000.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Bao gồm:	170.000.000
	- Kinh phí mở lớp đào tạo Doanh nghiệp nhỏ và vừa	42.000.000
	Thuê hội trường	14.000.000
	Phòng nền Hội trường	3.000.000
	Băng rol hướng dẫn	1.600.000
	Nước uống	6.000.000
	In ấn tài liệu	6.000.000
	Văn phòng phẩm	3.000.000
	Thuê xe đưa rước giảng viên	5.600.000
	Chi phí khác (Bồi dưỡng cho BTC lớp tập huấn phục vụ lớp học, làm ngoài giờ...)	2.800.000
	- Kinh phí Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến tuyên truyền kiến thức Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phòng vệ thương mại; quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	128.000.000
	Thuê hội trường	42.000.000

	Phòng nền Hội trường	8.000.000
	Băng rol hướng dẫn	6.000.000
	Nước uống	18.000.000
	In ấn tài liệu	20.000.000
	Văn phòng phẩm	11.000.000
	Thuê xe đưa rước giảng viên	17.000.000
	Chi phí khác (Bồi dưỡng cho BTC lớp tập huấn phục vụ lớp học, làm ngoài giờ...)	6.000.000